TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: **13**/2020/QĐST-DS	*Sóc Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 50/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TM TNHH MTV D;

Địa chỉ: Số 109 T, phường C, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Huy T** – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Tống Thị N** – Phó Giám đốc Chi nhánh T.

(Theo Giấy ủy quyền số 09/UQ ngày 16/02/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TM TNHH MTV D).

Người đại diện theo quyền tham gia tố tụng:

- Ông **Nguyễn Văn H** – Phó Ban kinh doanh Ngân hàng TM TNHH MTV D, Chi nhánh T.

- Ông **Trịnh Minh Đông** – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TM TNHH MTV D, Chi nhánh T.

- Ông **Vũ Mạnh Hùng** – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TM TNHH MTV D, Chi nhánh T.

(Theo Giấy ủy quyền số 13/UQ ngày 20/5/2020 của Phó Giám đốc Chi nhánh T).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về ký kết hợp đồng tín dụng và số tiền nợ:

- Ngân hàng TM TNHH MTV D và bà Nguyễn Thị S đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0017/2015/NCT/HĐTD ngày 16/01/2015 và Khế ước nhận nợ số 0017/2015/NCT/KU01 ngày 16/01/2015.

Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng);

Mục đích vay: Hoàn thanh toán tiền mua bất động sản;

Thời hạn vay: 12 tháng;

Phương thức vay: Theo từng lần;

- Tính đến ngày 25/6/2020, bà Nguyễn Thị S còn nợ Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền của Hợp đồng tín dụng số 0017/2015/NCT/HĐTD ngày 16/01/2015 và Khế ước nhận nợ số 0017/2015/NCT/KU01 ngày 16/01/2015 là: **1.609.257.014 đồng** (Một tỷ, sáu trăm linh chín triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm mười bốn đồng), trong đó: Nợ gốc: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 0 đồng (Không đồng); Nợ lãi quá hạn: 709.257.014 đồng (Bảy trăm linh chín triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm mười bốn đồng).

2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

2.1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 14, tại: Thôn P, xã M, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 023363, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01087 do Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/09/2012 mang tên bà Nguyễn Thị S và đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Hiện trên tài sản thế chấp có không có ai đang sinh sống.

2.2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 37b, tờ bản đồ số 26, tại Thôn P, xã M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 418470, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00549 do Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/05/2011 mang tên bà Nguyễn Thị S và đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Hiện trên tài sản thế chấp có không có ai đang sinh sống.

3. Phương thức trả nợ:

- Kỳ thứ nhất: Đến ngày 01/8/2020, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ hai: Đến ngày 01/9/2020, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ ba: Đến ngày 01/10/2020, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ tư: Đến ngày 01/11/2020, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ năm: Đến ngày 01/12/2020, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ sáu: Đến ngày 01/01/2021, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ bảy: Đến ngày 01/02/2021, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ tám: Đến ngày 01/3/2021, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ chín: Đến ngày 01/4/2021, bà Nguyễn Thị Sinh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu số tiền 15.000.000 đồng(Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ mười: Đến ngày 01/5/2021, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ mười một: Đến ngày 01/6/2021, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trừ vào nợ gốc.

- Kỳ thứ mười hai: Đến ngày 01/7/2021, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi quá hạn tính đến hết ngày 25/6/2020 là 782.757.014 đồng (Bảy trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm mười bốn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/6/2020 theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0017/2015/NCT/HĐTD ngày 16/01/2015 cùng Khế ước nhận nợ số 0017/2015/NCT/KU01 ngày 16/01/2015 và quy định của Ngân hàng TM TNHH MTV D cho đến khi trả hết nợ tại Ngân hàng TM TNHH MTV D trên dư nợ gốc thực tế.

- Trong trường hợp bà Nguyễn Thị S vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên, thì các bên nhất trí để Ngân hàng TM TNHH MTV D có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 14, tại: Thôn P, xã M, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

BL 023363, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01087 do Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/09/2012 mang tên bà Nguyễn Thị S và đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Hiện trên tài sản thế chấp có không có ai ở.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 37b, tờ bản đồ số 26, tại Thôn P, xã M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 418470, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00549 do Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/05/2011 mang tên bà Nguyễn Thị S và đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Hiện trên tài sản thế chấp có không có ai ở.

- Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TM TNHH MTV D thì bà Nguyễn Thị S phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng TM TNHH MTV D.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 30.139.000 đồng (Ba mươi triệu, một trăm ba mươi chín nghìn đồng), các bên thỏa thuận để bà Nguyễn Thị S tự nguyện chịu cả để sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền tạm ứng án phí **29.377.000 đồng** (Hai mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0018623 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Duy Khoa